

Số: 101 /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

Căn cứ Quyết định số 1453/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định chấp thuận nhà đầu tư cấp lần đầu ngày 29/4/2023 cho Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội là nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 02/2024/VI-V21-DLHC ngày 05/3/2024 của Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1018/TTr-STNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội, địa chỉ Văn phòng đại diện tại Tầng 3A, tòa nhà Vinaconex 21 phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại

MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc) tại phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc) tại phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm: phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của liên danh Công ty:

- Nhà đầu tư thứ nhất: Công ty cổ phần Viet Incons. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105984752, đăng ký lần đầu ngày 04/9/2012; đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 14/6/2022; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Mã số thuế: 0105984752;

- Nhà đầu tư thứ hai: Công ty cổ phần Vinaconex 21. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500236902, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 06/5/2022; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Mã số thuế: 0500236902;

- Nhà đầu tư thứ ba: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101747616, đăng ký lần đầu ngày 04/7/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 28/3/2022; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Mã số thuế: 0101747616.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và kinh doanh bất động sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 28.003,9 m².

- Công suất: Dự án gồm 2 khu: Khu A và khu B với 2.428 căn hộ, tổng diện tích sàn 241.721 m², trong đó:

+ Khu A: Diện tích 14.097,6m² gồm 02 toà nhà cao 25 tầng, diện tích sàn 121.246 m² với 1223 căn hộ, trong đó có 330 căn NOXH1, 638 căn NOXH2, 220 căn hộ thương mại và 35 căn thương mại dịch vụ tầng 1.

+ Khu B: Diện tích 13.905,3m² gồm 02 toà nhà cao 25 tầng, diện tích sàn 120.475 m² với 1205 căn hộ, trong đó có 352 căn NOXH1, 660 căn NOXH2, 154 căn hộ thương mại và 39 căn thương mại dịch vụ tầng 1.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép và bàn giao công trình bảo vệ môi trường cho Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc) sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 20 tháng 6 năm 2024 đến ngày 20 tháng 6 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Liên danh Công ty (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 101/GP-UBND ngày 20 / 6 /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của người dân trong khu A có lưu lượng lớn nhất là 718,8 m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của người dân trong khu B có lưu lượng lớn nhất là 705,3 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy ra kênh tiêu sông Bến Ngự, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 (Một) dòng nước thải: Nước thải sau xử lý hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy ra kênh tiêu sông Bến Ngự, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X= 2192694 (m); Y = 583029 (m) (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.424,1 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	100	
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	

4	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/l	1.000
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Coliforms	MPN/100 ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh từ các nguồn số 01, 02 được xử lý trong bể tự hoại 03 ngăn (gồm: 6 bể thể tích 92m³/bể tại khu A; 6 bể thể tích 92m³/bể tại khu B) sau đó theo đường ống dẫn D200 về 02 trạm xử lý nước thải tập trung tại khu A và khu B, công suất 750m³/ngày.đêm/trạm để xử lý.

- Nước thải nhà ăn từ nguồn số 01, 02 được thu gom vào bể tách dầu (gồm: 3 bể thể tích 82m³/bể tại khu A; 3 bể thể tích 82m³/bể tại khu B) sau đó theo đường ống dẫn D200 về trạm xử lý nước thải tập trung của mỗi khu để xử lý.

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân từ nguồn số 01, 02 được thu gom bằng đường ống dẫn D200 về trạm xử lý nước thải tập trung của mỗi khu để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Trạm xử lý nước thải tập trung: 02 trạm (01 trạm tại khu A và 01 trạm khu B)

- Công suất thiết kế: 750 m³/ngày.đêm/trạm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ mỗi trạm: Nước thải → Song chắn rác → Bể thu gom nước thải → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (02 modul) → Bể Hiếu khí + MBBR (02 modul) → Bể lắng (02 modul) → Bể khử trùng → Cống thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra kênh tiêu sông Bến Ngự.

- Hóa chất sử dụng: Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra (sau bể khử trùng) tại 02 Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, Amoni.
- Lắp đặt thiết bị lấy mẫu tự động: 02 bộ cho 02 Trạm xử lý nước thải tập trung tại khu A và khu B.
- Lắp đặt camera theo dõi: cho 02 trạm xử lý nước thải tập trung; trong đó, mỗi hệ thống bao gồm 02 camera (01 vị trí tại phòng lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục và 01 vị trí tại buồng quan trắc nước thải).
- Kết nối, truyền tín hiệu: Dữ liệu quan trắc được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi, giám sát. Hệ thống phải được lắp đặt, kết nối ổn định trước khi vận hành thử nghiệm Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án sẽ được kết nối với 02 nguồn điện: Nguồn điện lưới và nguồn máy phát dự phòng để đảm bảo trạm không bị mất điện trong quá trình vận hành. Các thiết bị như bơm, máy thổi khí đều được bố trí dự phòng 100% công suất nên khi có sự cố thì có thể được thay thế thiết bị hư hỏng mà không ảnh hưởng đến vận hành của trạm xử lý nước thải.
- Hệ thống bể điều hòa, bể khử trùng chỉ có lắp các thiết bị bơm có thiết kế mỗi nối tháo lắp nhanh auto coupling. Khi có sự cố sẽ thay thế bơm hư hỏng mà không phải dừng vận hành hệ thống bể đảm bảo vận hành liên tục cho trạm xử lý nước thải.
- Đối với hệ bể vi sinh (Bể thiếu khí, bể hiếu khí) và bể lắng được thiết kế 02 modul, hệ số vượt tải thiết kế của toàn hệ thống là 20%. Trường hợp xảy ra sự cố, bơm nước thải về 01 bể để vận hành trong thời gian sửa chữa, cải tạo hệ thống.
- Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.
- Bố trí đầy đủ các thiết bị dự phòng (máy thổi khí, bơm nước, bơm định lượng,...) đảm bảo sẵn sàng thay thế khi có sự cố thiết bị.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.
- Trường hợp máy móc, thiết bị bị hư hỏng, tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý ra môi trường tiếp nhận; thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể chứa nước thải, bể xử lý để tiến hành sửa chữa, khắc phục.
- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải sẽ được bơm quay về bể thu gom, bể điều hòa và tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường (bơm nước thải được lắp đặt là bơm một chiều).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (từ tháng 10/2027 đến tháng 3/2028).

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: 02 Trạm xử lý nước thải tại khu A và khu B.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải đầu vào (tại bể thu gom nước thải).

+ Mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (bể gom nước thải sau bể khử trùng).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Chất ô nhiễm chính: pH, TSS, BOD₅, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Photphat, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

+ Giá trị giới hạn cho phép: QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,0).

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.5. Không xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức và chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại giấy phép môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp. /.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG QUẢN LÝ MÙI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ MÙI, KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 101/GP-UBND ngày 20 / 6 /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NGUỒN PHÁT SINH MÙI, KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh mùi, khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Mùi phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung tại khu A.

1.2. Nguồn số 02: Mùi phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung tại khu B.

2. Vị trí phát sinh mùi, khí thải:

Trong khuôn viên khu đất thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc) tại phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Tọa độ vị trí: (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°)

TT	Nguồn khí thải	Tọa độ
1	Mùi phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung tại khu A	X = 2192778 (m) Y = 582989 (m)
2	Mùi phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung tại khu B	X = 2192637 (m) Y = 582994 (m)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi và khí thải

Mùi, khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải của mỗi khu được đầu tư hệ thống xử lý → thoát qua ống thông hơi lên mái nhà → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Công trình xử lý khí thải: 02 hệ thống tại khu A và khu B.

- Công suất: 700 m³/h/hệ thống.

- Công nghệ xử lý: Mùi phát sinh → Quạt hút → Tháp hấp thụ mùi bằng than hoạt tính đường kính 0,8m, chiều cao 2,0m → Ống thông hơi lên mái nhà cao 0,7 m → Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam – TCVN 7222:2002: Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Định kỳ 6 tháng/lần thay tấm lọc than hoạt tính. Than hoạt tính sau khi thải bỏ được lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

3.5. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi tại khu vực tập kết tạm thời chất thải rắn sinh hoạt tại dự án; tránh phát tán ra môi trường xung quanh.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 401/GP-UBND ngày 20 / 6 /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 1.1. Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khu A;
- 1.2. Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng tại khu B;
- 1.3. Nguồn số 3: Tiếng ồn từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu A.
- 1.4. Nguồn số 4: Tiếng ồn từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu B.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí là nguồn số 01: Tại Khu A Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc), phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), cụ thể: Tọa độ: $X(m) = 2192781$; $Y(m) = 582943$;

- Vị trí là nguồn số 02: Tại khu B Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc), phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), cụ thể: Tọa độ: $X(m) = 2192628$; $Y(m) = 582973$;

- Vị trí là nguồn số 03: Tại khu A Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc), phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), cụ thể: Tọa độ: $X(m) = 2192778$; $Y(m) = 582989$;

- Vị trí là nguồn số 04: Tại khu B Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc), phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0), cụ thể: Tọa độ: $X(m) = 2192637$; $Y(m) = 582994$;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 101/GP-UBND ngày 20 / 6 /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1,36
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3,00
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 01 13	2,50
4	Bao bì kim loại cứng đã chứa chất khí thải ra là CTNH (bình xịt diệt côn trùng)	15 01 11	2,00
5	Chai lọ đựng thuốc phun gián, muỗi	18 01 03	1,50
6	Than hoạt tính đã qua sử dụng	02 11 02	2,22
	Tổng khối lượng		4.591,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải (sau khi đã xác định không có thành phần nguy hại)	249.889,95
2	Bùn từ bể tự hoại	818.622,00
3	Váng dầu từ bể tách mỡ	30.455,60
	Tổng khối lượng	1.098.967,55

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3.780,52

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các loại túi nilong, thùng lưu chứa có nắp đậy phân loại màu sắc theo mã quy định có dung tích từ 5 - 120 lít;

- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Tại mỗi tầng của mỗi tòa nhà bố trí 01 kho chứa rác diện tích 3,2m²/phòng chia làm 02 ngăn riêng biệt, có cửa khóa, có dẫn nhãn cảnh báo, 01 ngăn chứa CTR sinh hoạt (diện tích 2,2m²) và 01 chứa CTNH (diện tích 1m²).

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Khu lưu chứa chất thải nguy hại nằm trong kho chứa rác diện tích 1,0 m²; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải sau khi được phân định không có thành phần nguy hại được lưu chứa tại 02 bể chứa bùn. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa dung tích 120 lít tại kho chứa rác ở các tầng, sau đó tập kết chứa vào 05 xe đẩy tay dung tích 1,5m³/xe tại khu tập trung ở góc phía Tây của dự án, có diện tích 50m².

- Hằng ngày thu gom chất thải rắn sinh hoạt 01 lần/ngày về khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Tại mỗi tầng của mỗi tòa nhà bố trí 01 kho chứa rác diện tích 3,2m²/phòng chia làm 02 ngăn riêng biệt, có cửa khóa, có dẫn nhãn cảnh báo, 01 ngăn chứa CTR sinh hoạt (diện tích 2,2m²) và 01 chứa CTNH (diện tích 1m²).

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Khu lưu chứa chất thải sinh hoạt nằm phòng thu gom rác tại các tầng, diện tích 2,2m² có biển cảnh báo.

- Thực hiện vệ sinh hàng ngày, phun chế phẩm khử mùi, diệt côn trùng đảm bảo sạch sẽ.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 401/GP-UBND ngày 20/6/2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình như sau:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày xây dựng, hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước. Nước mưa được dẫn về hệ thống cống thoát nước khu vực, sau đó chảy ra kênh tiêu sông Bến Ngự.

- Che chắn khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác thải xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

- Đối với nước thải vệ sinh tay chân của công nhân với lưu lượng 3,0 m³/ngày được thu gom về 01 hố lắng tạm (thể tích V = 3,0 m³, kích thước: dài x rộng x sâu = 1,5m x 2,0m x 1,0m). Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra hệ thống cống tiêu thoát khu vực, sau đó dẫn về kênh tiêu sông Bến Ngự, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Tọa độ điểm xả: X= 2192694 (m); Y = 583029 (m).

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng $3,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng 08 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh $1060 \times 850 \times 1980 \text{ mm}$. Hộp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 lần/ngày) đem đi xử lý bằng xe chuyên dụng.

- Đối với nước thải nhà ăn ($0,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$): Được thu gom về 01 hồ lắng tạm đã xây dựng ở giai đoạn san nền có thể tích $1,5 \text{ m}^3$ (kích thước: dài x rộng x sâu = $1,5 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$), dưới đáy hồ 01 lớp cát dày khoảng 10cm để tách váng dầu mỡ và cặn lắng. Nước thải sẽ được dẫn dưới đáy hồ ra môi trường tiếp nhận. Dầu mỡ giữ lại trên bề mặt lớp cát và được định kỳ thu gom đưa đi xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

- Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe thu gom về 01 bể lắng có dung tích khoảng $7,0 \text{ m}^3$ (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm, kích thước mỗi bể là $B \times L \times H = 2 \text{ m} \times 2,5 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$) tại khu vực lán trại để xử lý. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường, váng dầu thu được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại.

3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công, các tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư lân cận; sử dụng xe téc $5,0 \text{ m}^3$, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc; tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh, nắng.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (đặc biệt cổng vào dự án) khi thấy có đất cát vương vãi. Trong phạm vi công trường phải thực hiện phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày (đầu buổi sáng và buổi chiều), tần suất phun tưới nước có thể còn tăng lên nếu thấy bụi xuất hiện trên công trường thi công.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5m, dài khoảng 725 m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, găng tay, kính...theo quy định).

4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường và nguy hại

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 30 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi được thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án.

+ Đối với loại chất thải rắn như bì bao bì xi măng, các mẫu sắt thừa, ống nhựa hư hỏng, đinh hỏng được thu gom hàng ngày chứa trong các bao bì xi măng, sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 06 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội có trách nhiệm:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giám âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giám âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong khu đông người.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh và kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,0). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường./.

